

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 06-11-2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Thị Chín.

2/ Bà Nguyễn Thị Bình.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2019 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số 361/2019/TLST-HNGĐ, ngày 19/9/2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 207/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/10/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1982. Nơi cư trú: thôn Hợp Thành, xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Ông Lê Quang H, sinh năm 1981. Nơi cư trú: tổ 1, thôn 2, xã Đa Kai, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn; có mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/8/2019 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị P trình bày: Bà và ông Lê Quang H tự nguyện kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thành Hưng vào ngày 28/4/2009. Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc có 01 con chung tên Lê Quang Bảo D, sinh ngày 03/8/2010. Tuy nhiên, sáu năm trở lại đây, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, quan điểm sống bất đồng nên đã sống ly thân nhau. Nay bà nhận thấy giữa bà và ông H không còn tình cảm yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Về con chung: hiện con Bảo D đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng tại tỉnh Thanh Hóa. Do đó, khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con và không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung không có nên bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 27/9/2019, bà P có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/10/2019 có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Lê Quang H khai thống nhất như lời khai của bà P về thời gian ông bà kết hôn, con chung và tình trạng hôn nhân hiện nay. Ông H khai, sau khi kết hôn thì vợ chồng ông về sống tại thôn 2 xã Đa Kai, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, do vợ chồng không có công việc ổn định, tài chính gia đình thiếu hụt nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, xung đột. Ngoài ra, giữa ông bà có sự khác biệt về tính cách và lối sống nên cuộc sống không hòa hợp. Năm 2013, sau khi vợ chồng xung đột thì bà P dẫn con về Thanh Hóa sinh sống, không quay trở lại. Từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Ông H xác nhận không còn tình cảm yêu thương nhau nên đồng ý ly hôn. Về con chung: Ông H đồng ý giao cho bà P trực tiếp nuôi. Về tài sản chung: Ông H không tranh chấp.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh trình bày quan điểm như sau: Về thủ tục tố tụng thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà P là đúng quy định. Về nội dung thì căn cứ vào tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: cuộc sống hôn nhân giữa bà P và ông H đã không còn hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 đến nay vẫn không hàn gắn được tình cảm, hiện mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm lẫn nhau. Từ đó có căn cứ khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P là

có căn cứ. Về con chung nên giao cho bà P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Bảo D và đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định pháp luật để giải quyết.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở đơn khởi kiện của nguyên đơn, TAND huyện Đức Linh đã xác định quan hệ tranh chấp “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con” là đúng quy định.

Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì TAND huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các án lệ đã được Chánh án TANDTC công bố thì thấy rằng: nội dung tranh chấp của vụ án này không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong án lệ nên Hội đồng xét xử không áp dụng án lệ mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án này.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà P là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Xét thấy bà P và ông H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Căn cứ lời khai của bà P và ông H và giấy khai sinh của Lê Quang Bảo D thì có đủ cơ sở xác định, cháu Bảo D là con chung của bà P và ông H.

Xét thấy hôn nhân giữa bà P và ông H đã không còn hạnh phúc. Từ năm 2013 đến nay, ông bà sống ly thân, mỗi người sống một nơi. Bà P và ông H đều xác định vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau và đều có nguyện vọng được giải quyết ly hôn. Từ đó có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà P và ông H đã thật sự trầm trọng, mâu thuẫn gay gắt, đời sống hôn nhân không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm

2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về con chung: Xét thấy hiện tại cháu Bảo D đang được bà P trực tiếp nuôi dưỡng, cháu đã có cuộc sống ổn định. Ngoài ra, cháu Bảo D có nguyện vọng được sống chung cùng mẹ. Bà P có yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con. Ông H đồng ý giao con cho bà P nuôi dưỡng. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Bảo D cho bà P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và đúng pháp luật. Do bà P không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Nếu sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Về tài sản chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm án phí, lệ phí Tòa án thì bà P là người khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là đúng quy định pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Luật thi hành án dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P.

- Về hôn nhân: Tuyên bố bà Nguyễn Thị P ly hôn ông Lê Quang H.

- Về con chung: Giao cháu Lê Quang Bảo D, sinh ngày 03/8/2010 cho bà Nguyễn Thị P được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ông Lê Quang H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai

thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025687 ngày 19/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Bà P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết; bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án (06/11/2019), để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./-

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- UBND xã Hợp Thành,
H. Thạch Thành, T. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Phước Hiệu

